TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14.9.2017
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Yến Trinh**
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành**
2. Ông **Huỳnh Kim Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Hương** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thơ** – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2017/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Thị Kim H**, sinh năm: 1979

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thành V**, sinh năm 1976
Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/7/2017 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị Kim H trình bày như sau: Chị và anh V chung sống với nhau từ năm 1998, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 17/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả. Từ tháng 02/2015 anh V bỏ nhà đi chung sống với người phụ nữ khác đến đầu năm 2017 mới quay về nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Vào năm 2016 chị đã có yêu cầu xin ly hôn với anh V nhưng do chị không biết được địa chỉ cụ thể của anh V nên không nộp đơn khởi kiện được. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 16/5/1999, đã trưởng thành và Nguyễn Tính Th, sinh ngày 28/12/2001 hiện đang sống với mẹ. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung chưa trưởng

thành là Nguyễn Tính Th và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Thành T đã trưởng thành nên chị không có yêu cầu gì.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn anh Nguyễn Thành V trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2017 của Tòa án như sau: Về thời gian cưới, đăng ký kết hôn đúng như chị H nêu. Nhưng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là thỉnh thoảng sau giờ làm anh có đi nhậu với bạn bè nhưng chị H không đồng ý nên vợ chồng xảy ra cãi vả. Còn việc chị H nêu anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là không có và vợ chồng cũng không có sống ly thân. Anh đi làm vẫn đưa tiền cho chị H lo lắng trong gia đình, con cái và anh xác định anh vẫn làm tròn nghĩa vụ của một người chồng, người cha. Do đó chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương vợ.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung đúng như chị H trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho anh với chị H ly hôn thì anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự của Tòa án từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án nhận thấy Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; nguyên đơn chị Thị Kim H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đồng thời chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa và qua đối chiếu với quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Tại phiên tòa chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và vợ chồng cũng đã ly thân từ rất lâu. Anh V không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để thuyết phục chị H quay về vợ chồng tiếp tục chung sống, hơn nữa anh V có đơn không tham gia phiên tòa cho thấy anh V không có thiện chí để hàn gắn tình cảm với chị H. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 16/5/1999, đã trưởng thành và Nguyễn Tính Th, sinh ngày 28/12/2001 hiện đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung chưa trưởng thành là Nguyễn Tính Th, anh V cũng đồng ý và nguyện vọng của cháu Th cũng muốn chung sống với chị H nên yêu cầu của chị H về việc tiếp tục nuôi con chung là có

căn cứ pháp luật cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên không xem xét. Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con đảm bảo theo quy định tại Điều 81 và được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không xem xét

Nợ chung: Không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh Nguyễn Thành V nhưng anh V có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

* Về nội dung:

[1] Chị Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành V là quan hệ pháp luật "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Chị H và anh V chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn ngày 17/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị H cương quyết xin được ly hôn với anh V vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc và từ tháng 02/2015 vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Vào năm 2016 chị H đã có yêu cầu xin ly hôn với anh V nhưng do chị không biết được địa chỉ cụ thể của anh V nên không nộp đơn khởi kiện được.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh V phát sinh đã lâu nhưng không thể giải quyết để vợ chồng tiếp tục chung sống hạnh phúc. Hơn nữa anh V không đồng ý ly hôn với chị H nhưng không đưa ra được giải pháp thuyết phục chị H quay về để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ và anh V cũng không đến tham dự phiên tòa cho thấy anh V cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị H để vợ chồng đoàn tụ nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh V.

[3] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 16/5/1999, đã trưởng thành và Nguyễn Tính Th, sinh ngày 28/12/2001 hiện đang sống với chị H. Chị H có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung chưa trưởng thành là Nguyễn Tính Th và anh V cũng có ý kiến đồng ý để chị H được nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Đối với Nguyễn Thành T đã trưởng thành nên cháu muốn sống với cha hay mẹ là tự cháu quyết định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Như vậy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát cho chị H được ly hôn với anh V và chị H được tiếp tục nuôi con là có căn cứ.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về án phí: Chị Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Thị Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Thành V.

2. Về nuôi con chung: Chị H được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Tính Th, sinh ngày 28/12/2001. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0000280 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- CCTHADS huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

TRẦN THỊ YẾN TRINH